

Số: 2949 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 23 tháng 7 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung  
trong lĩnh vực công chứng, quốc tịch và trợ giúp pháp lý  
trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục, hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp: số 2006/QĐ-BTP ngày 30/6/2025 về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý; số 2009/QĐ-BTP ngày 30/6/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công chứng; số 2358/QĐ-BTP ngày 16/7/2025 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số /TTr-STP ngày 22/7/2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công chứng, quốc tịch và trợ giúp pháp lý trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Tư pháp tổ chức thực hiện công khai danh mục và nội dung thủ tục hành chính lĩnh vực công chứng, quốc tịch và trợ giúp pháp lý được quy định tại Quyết định này; xây dựng, ban hành quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính và phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ cập nhật quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các thủ tục hành chính lĩnh vực quốc tịch công bố tại các Quyết định: số 2129/QĐ-UBND

ngày 02/8/2021; số 2061/QĐ-UBND ngày 17/6/2024; số 542/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 4;
- VPCP, Bộ Tư pháp;
- Cục KSTTHC-VPCP;
- TTTU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- CVP, PCVP UBND TP;
- Báo và PTTHHP;
- Công TTĐT TP;
- Trung tâm PVHCC TP;
- Lưu: VT, TTPVHCC TP.

**CHỦ TỊCH**

**Lê Ngọc Châu**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG  
LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG, QUỐC TỊCH VÀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ TRÊN  
ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG (15 TTHC)**

*(Kèm theo Quyết định số      /QĐ-UBND ngày      /      /2025  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)*

| STT                                    | Số hồ sơ<br>TTHC | Tên thủ<br>tục hành<br>chính                                | Tên VBQPPL quy định nội<br>dung sửa đổi, bổ sung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Lĩnh<br>vực  | Cơ quan<br>thực hiện           |
|----------------------------------------|------------------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------------------|
| <b>I. Lĩnh vực quốc tịch (05 TTHC)</b> |                  |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |              |                                |
| 1.                                     | 2.002039         | Thủ tục<br>nhập quốc<br>tịch Việt<br>Nam ở<br>trong nước    | <div>- Luật số 79/2025/QH ngày 24/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam</div> <div>- Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.</div> <div>- Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch.</div> | Quốc<br>tịch | Sở Tư pháp<br>và Bộ Tư<br>pháp |
| 2.                                     | 2.002038         | Thủ tục trở<br>lại quốc<br>tịch Việt<br>Nam ở<br>trong nước |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |              | Sở Tư pháp<br>và Bộ Tư<br>pháp |
| 3.                                     | 2.002036         | Thủ tục<br>thôi quốc<br>tịch Việt<br>Nam ở<br>trong nước    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |              | Sở Tư pháp<br>và Bộ Tư<br>pháp |
| 4.                                     | 1.005136         | Thủ tục cấp<br>Giấy xác                                     | - Nghị định số 191/2025/NĐ-CP                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |              | Sở Tư pháp                     |

|    |          |                                                 |                                                                                                                                                        |            |
|----|----------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|    |          | nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước         | ngày 01/7/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.                        |            |
| 5. | 2.001895 | Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam | - Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch | Sở Tư pháp |

| II. Lĩnh vực công chứng (04 TTHC) |          |                                                         |                                                                                                                                                               |                           |
|-----------------------------------|----------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| 6.                                | 1.013803 | Bổ nhiệm công chứng viên                                | Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày 25/6/2025 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp | Sở Tư pháp, UBND cấp tỉnh |
| 7.                                | 1.013804 | Bổ nhiệm lại công chứng viên                            | Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày 25/6/2025 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp | Sở Tư pháp, UBND cấp tỉnh |
| 8.                                | 1.013805 | Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm) | Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày 25/6/2025 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp | Sở Tư pháp, UBND cấp tỉnh |
| 9.                                | 1.013806 | Công nhận tương đương đối                               | Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày 25/6/2025 của Bộ Tư                                                                                                           | Sở Tư pháp,               |

|                                                 |          |                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                  |                                                                                                |
|-------------------------------------------------|----------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                 |          | với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài                  | pháp sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp                                                                                                                                                                                                                                                                  |                  | UBND cấp tỉnh                                                                                  |
| <b>III. Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý (06 TTHC)</b> |          |                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                  |                                                                                                |
| 10.                                             | 2.000587 | Thủ tục cấp thẻ công tác viên trợ giúp pháp lý                       | Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày 25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp. | Trợ giúp pháp lý | Sở Tư pháp                                                                                     |
| 11.                                             | 2.000518 | Thủ tục cấp lại thẻ công tác viên trợ giúp pháp lý                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                  | Sở Tư pháp                                                                                     |
| 12.                                             | 2.000829 | Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                  | Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh của Trung tâm/Tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý |
| 13.                                             | 2.001680 | Thủ tục rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                  | Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh của Trung tâm/Tổ                                |

|     |          |                                                   |                                                                                                                                                                                 |                                                                                                        |
|-----|----------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          |                                                   | <p>Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày 25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.</p> | chức tham gia trợ giúp pháp lý                                                                         |
| 14. | 2.001687 | Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý |                                                                                                                                                                                 | <p>Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh của Trung tâm/Tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý.</p> |
| 15. | 2.000592 | Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý  |                                                                                                                                                                                 | <p>- Người đứng đầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý;</p> <p>- Giám đốc Sở Tư pháp.</p>              |